

## BÀI 17. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT

---

### **I** MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

*Sau bài học này, giúp HS:*

#### **1. Về kiến thức**

– Trình bày được những biểu hiện trong việc giữ gìn văn hoá của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.

– Nhận biết được sự phát triển của văn hoá dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa trong thời kì Bắc thuộc.

## 2. Về kĩ năng, năng lực

- Khai thác và phân tích được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

## 3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc về sức mạnh cội nguồn của nền văn hoá Việt chính là nền tảng để dân tộc Việt Nam trường tồn, phát triển dù đứng trước bất kì khó khăn, thử thách nào.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Giáo viên

- Hình minh hoạ về cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc.
- Máy tính, máy chiếu; giấy A0 (nếu có).

### 2. Học sinh

Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

## III MỘT SỐ LƯU Ý VỀ NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

- Bài này được biên soạn để dạy trong một tiết, nội dung chỉ có hai mục nhỏ nên GV có thể linh hoạt điều chỉnh thời lượng dạy học trong từng nội dung tùy theo cách tiếp cận của mình.
- Đây là nội dung mới so với SGK trước đây và được biên soạn riêng thành một bài dạy trên lớp. GV lưu ý thông điệp của bài học này chứng minh rõ sự trường tồn của văn hoá chính là cội nguồn sức mạnh tinh thần to lớn, hỗ trợ cho cuộc đấu tranh vũ trang giành lại độc lập, tự chủ. Cội nguồn sức mạnh ấy đã giúp người Việt chống lại được chính sách đồng hoá dân tộc, làm cho văn hoá Việt không những không thể bị tiêu diệt mà còn có điều kiện phát triển hơn.

## IV GỢI Ý CÁCH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

### 1. Mở đầu

- GV có thể dựa vào nội dung phần mở đầu bài học trong SGK và đặt ra câu hỏi: *Điều gì đã giúp người Việt vẫn giữ được những giá trị của nền văn hoá truyền thống trước chính sách đồng hoá văn hoá thâm hiểm của phong kiến phương Bắc?* Câu hỏi này sẽ được giải đáp qua nội dung của bài học.
- GV có thể linh hoạt tổ chức hoạt động mở đầu bài học tùy theo cách của riêng mình bằng những liên hệ thực tế liên quan đến việc bảo tồn, phát triển văn hoá dân tộc qua các thời kì lịch sử.

## 2. Hình thành kiến thức mới

### Mục 1. Sức sống của nền văn hoá bản địa

#### a) Nội dung chính

Những biểu hiện trong việc giữ gìn nền văn hoá bản địa của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.

#### b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác

*Hình 1. Sự tích trầu cau – lí giải tục ăn trầu của người Việt (tranh minh hoạ):* Ăn trầu là phong tục tương truyền có từ thời Hùng Vương. Trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, đến nay phong tục này vẫn được duy trì và bảo tồn. Trong văn hoá giao tiếp truyền thống của người Việt, miếng trầu như một thông điệp về lòng hiếu khách, một “triết lí siêu ngôn ngữ” để diễn tả tình cảm của con người dành cho nhau. Miếng trầu vì vậy đã đi vào tâm thức người dân Việt với ý nghĩa rất quan trọng như “*miếng trầu là đầu câu chuyện*” hay đi vào ca dao, thơ ca với nhiều tác phẩm nổi tiếng, như bài thơ *Mời trầu* của nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương:

*“Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi  
Này của Xuân Hương mới quệt rồi  
Có phải duyên nhau thì thăm lại  
Đừng xanh như lá, bạc như vôi”.*

#### c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học

– GV hướng dẫn HS đọc thông tin, thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: *Chỉ ra những phong tục tập quán của người Việt được nhắc đến trong đoạn tư liệu (tr.77, SGK).*

*Yêu cầu cần đạt:* HS chỉ ra được những phong tục tập quán của người Việt: vẽ mình (xăm mình), đứng thì vòng hai tay, ngồi thì xếp bằng hai chân, tiếp khách bằng trầu cau,...

– Khi tổ chức dạy – học, GV chú ý khắc sâu những khía cạnh thể hiện việc giữ gìn nền văn hoá bản địa của người Việt trong suốt thời kì Bắc thuộc: Tiếng Việt – tiếng mẹ đẻ; truyền thống thờ cúng tổ tiên, thờ các anh hùng dân tộc, tôn trọng phụ nữ; các phong tục tập quán vốn có như cạo tóc, búi tóc, xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu, làm bánh chưng – bánh giầy, con trai cỡi trâu đóng khố, nữ mặc váy – yếm,...

*Ví dụ:* Tục xăm mình cũng có từ thời dựng nước. Người Việt cổ sống nhiều trong môi trường sông nước nên tin rằng việc xăm mình sẽ không bị thuỷ quái làm hại. Tục này tồn tại đến đời vua Trần Anh Tông cuối thế kỉ XIII mới bỏ.

Mặc váy và yếm là một nét riêng trong trang phục truyền thống của người phụ nữ Việt. Các chính quyền đô hộ phương Bắc dùng mọi cách bắt người Việt phải theo cách ăn mặc như người Hán nhưng không thành. Người Việt rất tự hào với cái váy mang đậm yếu tố văn hoá bản địa của mình trong so sánh với văn hoá Trung Quốc:

*“Cái trống mà thùng hai đầu  
Bên ta thời có, bên Tàu thời không”.*

– Từ đó, GV có thể đặt các câu hỏi gợi ý để hướng dẫn HS nhận biết nét văn hoá từ thời kì Văn Lang – Âu Lạc vẫn còn được duy trì trong thời Bắc thuộc (nhuộm răng, ăn trâu, tư thế chào hỏi,...).

*Yêu cầu cần đạt:* HS liên hệ và nhận biết được những nét văn hoá của người Việt cổ vẫn được duy trì trong thời Bắc thuộc.

## **Mục 2. Tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa**

### *a) Nội dung chính*

Sự phát triển của văn hoá dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những yếu tố văn hoá Trung Hoa trong suốt thời kì Bắc thuộc.

### *b) Tư liệu, kênh hình cần khai thác*

Phần tiếp thu chọn lọc văn hoá Trung Hoa được trình bày dưới dạng sơ đồ hoá kiến thức, GV cần chú ý khai thác kĩ từng ô trong sơ đồ để làm rõ cả hai khía cạnh: vừa tiếp thu nhưng vừa chọn lọc và tìm cách “bản địa hoá” để phát triển nền văn hoá dân tộc.

### *c) Gợi ý các hình thức tổ chức dạy học:*

– GV tổ chức cho HS thảo luận để trả lời câu hỏi: *Trong thời kì Bắc thuộc, nhân dân ta đã tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa như thế nào?*

*Yêu cầu cần đạt:* HS nhận biết và trình bày được:

+ Học một số kĩ thuật, phát minh tiên bộ của người Trung Quốc như làm giấy, chế tạo đồ thuỷ tinh, giã gạo bằng cối đập, ở nhà đất bằng, kĩ thuật bón phân bắc và dùng sức kéo trâu bò.

+ Tiếp thu một phần lễ nghĩa của Nho giáo như một số quy tắc lễ nghĩa trong quan hệ gia đình, cách đặt tên họ giống người Hán.

GV có thể giới thiệu rõ hơn: Nho giáo do Khổng Tử sáng lập và được du nhập vào nước ta từ thời thuộc Hán. Sĩ Nhiếp, Tích Quang, Nhâm Diên là những Thái thú đã có nhiều nỗ lực truyền bá Nho giáo vào Việt Nam. Những tư tưởng chủ yếu của Nho giáo về đạo vua – tôi, cha – con, chồng – vợ và việc nhấn mạnh các phạm trù đạo đức như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín đã được các triều đại phong kiến phương Bắc sử dụng làm công cụ tinh thần để cai trị nhân dân ta.

+ Đón nhận tinh thần từ bi, bác ái của Phật giáo được truyền bá từ Trung Quốc sang. Đạo giáo từ Trung Quốc dần hoà nhập với tín ngưỡng dân gian, thờ thần của người Việt,...

+ Tiếp thu một số lễ tết có nguồn gốc từ Trung Quốc như tết Hàn thực, tết Đoan Ngọ, tết Trung thu,... nhưng đã có sự vận dụng cho phù hợp với sinh hoạt văn hoá của người Việt.

GV cần sưu tầm thêm tư liệu về nguồn gốc và những đặc trưng “bản địa hoá” phong

tục tết Hàn thực, tết Đoan Ngọ,... để làm minh hoạ phong phú cho bài giảng. Ví dụ: Tết Hàn thực sang Việt Nam trở thành tết Bánh trôi, bánh chay, tết Đoan Ngọ trở thành ngày tết “giết sâu bọ”, tết Trung thu của người Việt Nam dành cho thiếu nhi trong khi ở Trung Quốc dành cho sum họp gia đình,... Đó là nét khác biệt thể hiện sự tiếp thu và Việt hoá văn hoá Trung Quốc của người Việt.

– GV có thể đặt thêm câu hỏi: *Nêu những ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo hay những kĩ thuật tiếp thu được từ Trung Quốc còn duy trì đến ngày nay.*

+ GV cần hướng dẫn kĩ, cho HS thảo luận theo nhóm và trình bày ý kiến của mình.

+ Để mở rộng thêm, GV có thể trích lời tâu của viên quan Lưu An với vua Hán Vũ Đế: “Việt là đất ở ngoài cõi. Dân cắt tóc vẽ mình, không thể lấy pháp độ của nước đội mũ mang đai mà trị được”. (Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.147).

Trên cơ sở đó, với đối tượng HS khá, GV có thể yêu cầu HS đọc tư liệu mở rộng này và trả lời câu hỏi: *Lời tâu của viên quan đô hộ người Hán cho em biết điều gì?*, GV gợi mở cho HS hiểu rõ: Qua lời tâu của Lưu An cho thấy: Nước ta vốn là một nước độc lập (ngoài cõi), có truyền thống văn hoá, phong tục tập quán riêng (cắt tóc, vẽ mình), khác với người Hán, không thể áp đặt được đồng thời cũng phản ánh sự thừa nhận thất bại từ chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc.

### **3. Luyện tập và vận dụng**

**Câu 1.** GV hướng dẫn HS tổng hợp kiến thức trong hai mục của bài học để trả lời câu hỏi.

**Câu 2.** GV gợi ý HS liệt kê những phong tục có từ thời Bắc thuộc, từ đó liên hệ với hiện tại để chỉ ra được những phong tục còn được bảo tồn đến ngày nay (HS có thể hỏi thêm người thân để xác định được câu trả lời phù hợp). Qua đó, giúp HS nhận thức rõ những giá trị của văn hoá truyền thống lịch sử đối với cuộc sống hiện tại.

### **V TÀI LIỆU THAM KHẢO**

“Nền văn hoá làng xã mới là nền tảng của tâm thức Việt Nam, không phải Nho giáo. Người Việt Nam đã tiếp thu ca dao qua lời ru từ khi còn bé, đã hát đồng dao, ngâm vè, nghe các chuyện kể về các thần tích về tổ tiên trước khi học Kinh Thi; tham dự vào sinh hoạt hội lành tế lễ, trước khi biết đến Kinh Lễ; đã hiểu các quy tắc ứng xử, đối xử với người trên kẻ dưới trước khi học Kinh Xuân Thu. Họ học sách Nho chỉ để đi thi làm quan nếu đỗ, và dù làm quan họ vẫn nhớ rằng “Quan nhất thời dân vạn đại”, do đó không đi ngược lại các thể chế của làng”. (Phan Ngọc, *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1998, tr.238).